

# ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỞ

## QUYỂN 2

### *1) Thiết lập bốn loại giáo, sơ lược có bốn người:*

Một là Pháp sư Quang Trạch ở đời Lương, dựa vào kinh Pháp Hoa quyển thứ 2, thiết lập về giáo thuộc bốn Thừa, nói ba xe đứng trước cửa tức là Quyền giáo thuộc Tam thừa, ban cho bốn con đường lớn..., tức là Thật giáo thuộc Đại thừa. Bởi vì xe trâu đứng trước cửa cũng giống như xe dê-xe hươu, đều không thể có được, đều không có Thể, những người con đều đòi xin, thì biết là ba xe đều tạm thời chỉ ra, lấy làm phương tiện. Vậy thì ba giáo trước là Tam thừa, một giáo sau là Nhất thừa, không trái với lý của Giáo. Nếu chỉ nói Pháp Hoa là Thật, thì áp chế các kinh Bát-nhã và các kinh Liễu Nghĩa của Đại thừa, vậy thì biết Đại thừa xưa kia cũng có Quyền-Thật. Kinh Pháp Hoa chỉ hội tụ Quyền xưa kia, cho nên nói Tam thừa đều là tạm thời chỉ ra; Thật xưa kia không tụt vào phương tiện, cho nên không hội tụ.

Nếu dựa theo hội tụ Quyền đưa về Thật, thì chính là hội tụ ba giáo làm một giáo; nếu phá bỏ Tiểu hiển bày Đại, thì chính là hội tụ hai giáo đưa về một giáo; nếu tách ra Quyền hiển bày Thật thì ba giáo là một giáo, lại không có một giáo riêng biệt. Vì vậy kinh ấy nói: “Các ông đã thực hành là đạo của Bồ-tát, trước hết từ bên trong phát ra, là do các ông đã nhận biết.”

Nếu phớt bỏ Quyền thiết lập Thật, thì nghĩa nói ra là bốn, như thu nhận ba chấm để thành một chữ Y, riêng biệt từng chấm thì không phải chữ Y, chữ Y vốn có ba chấm. Ba giáo xưa kia đã riêng biệt, Thật không bao gồm Quyền, nay một giáo hoàn toàn gồm đủ, thành ra bốn cũng không sai.

Nếu dựa vào xưa kia chưa hiển bày, nói là tất cả có đủ tri kiến của Như Lai, thì chủng tử của căn không thành; nay đều nói về thành tựu, thì xưa và nay có khác nhau, đối với văn có chứng cứ, nghĩa cũng

rất phù hợp.

Hai là Đại sư Thiên Thai-Trí Giả ở hai đời Trần-Tùy, kế thừa Đại sư Tư ở Nam Nhạc, thiết lập bốn giáo: 1- Tam Tạng giáo, giáo này trình bày về lý nhân duyên sinh diệt thuộc bốn Chân đế, chính là giáo hóa Tiểu thừa, ngoài ra còn giáo hóa Bồ-tát. 2- Thông giáo, Thông là giống nhau, bởi vì Tam thừa cùng tiếp nhận; giáo này trình bày về lý nhân duyên tức Không-Vô sinh thuộc bốn Chân đế, là môn thứ nhất của Đại thừa (Ma-ha-diễn), chính là giáo hóa Bồ-tát, ngoài ra còn bao gồm Nhị thừa. Kinh Đại Phẩm nói: “Muốn đạt được Thanh văn Thừa, nên tu học Bát-nhã Ba-la-mật...” Nhưng mà Giáo-Lý-Trí-Đoạn-Hành-Vị-Nhân-Quả đều gồm chung, sâu-cạn không giống nhau, giống nhau với Bát-nhã, chỉ giống nhau ở phạm vi nông cạn. 3- Biệt giáo, Biệt tức là không giống nhau, bởi vì nói không giống với hàng Nhị thừa; giáo này chính thức trình bày về lý nhân duyên giả danh vô lượng thuộc bốn Chân đế, đích thực giáo hóa Bồ-tát, không liên quan đến Nhị thừa, vì vậy Thanh văn có mặt mà như đui-như điếc. Không gọi là Bát cọng mà nói là Biệt, bởi vì muốn lựa chọn không phải là Viên, bởi vì một nhân vượt ra xa, một quả không dung thông, trải qua riêng biệt mà tu, vốn không đạt được nhân quả viên dung. 4- Viên giáo, Viên lấy không thiên lệch làm nghĩa, giáo này chính thức trình bày về nhân duyên không thể nghĩ bàn, Trung đạo thuộc hai Đế, Sự-Lý đầy đủ, không thiên lệch-không riêng biệt, chỉ giáo hóa cho hàng Lợi căn Tối thượng, cho nên gọi là Viên. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Biểu hiện rõ ràng lực tự tại, để thuyết giảng về kinh viên mãn, khiến cho vô lượng các chúng sinh, đều thọ ký thành tựu Bồ-đề...” Biệt thì Giáo-Lý... đều là Biệt, Viên thì Giáo-Lý... đều là Viên.

Lại bốn giáo này dựa vào ba Quán mà phát khởi, từ Giả tiến vào Không, phân tích về Thể khác nhau, cho nên có Tam Tạng giáo và Thông giáo; từ Không tiến vào Giả, từ Giả tiến vào Trung, có Biệt giáo phát khởi; ba Quán đạt được trong một tâm, có Viên giáo phát khởi.

Lại bốn giáo này không hạn chế nhất định trong một Bộ, mà trong một Bộ dung nạp có nhiều. Lại trải qua dùng bốn loại nghi thức giáo hóa để thu nhận, đó là Đốn-Tiệm-Bất định và Bí mật. Đốn-Tiệm giống như Pháp sư Ngập trước đây. Hai loại sau, đó là một âm thanh mà hiểu khác nhau, nếu nhận biết lẫn nhau thì gọi là Bất định, không nhận biết lẫn nhau thì gọi là Bí mật.

Sư này thiết lập về nghĩa, Lý rất trọn vẹn đầy đủ, nhưng tên gọi và nghĩa của Tam Tạng giáo, tựa như lạm dụng Tiểu thừa, bởi vì ba

giáo còn lại cũng có ba. Sở dĩ như vậy, là bởi vì trong Trí Luận phần nhiều ghi Tiểu thừa là Tam Tạng giáo, trong luận Thành Thật cũng tự nói rằng: “Ta nay muốn thuyết về Thật nghĩa trong Tam Tạng.” Giáo thứ nhất đối với Giới-Định-Tuệ vốn là vị thầy thuốc đã từng có, thiết lập ba sự việc này, cách xa không giống nhau, khác với ba giáo sau. Bởi vì Thông giáo là ý dung thông ba loại, Biệt giáo dựa vào một pháp tánh mà hiển bày ba loại, Viên giáo thì ba-một không có gì chướng ngại.

Sở dĩ không gọi là Tiểu thừa giáo, bởi vì giáo này cũng có Đại thừa, sáu Độ của Bồ-tát, ba mươi bốn Tâm đoạn kiết, thành tựu Chân Phật. Bởi vì nghĩa của Tạng-Thông-Biệt-Viên, bốn giáo cùng có, mà đối chiếu kỹ càng để xác định thật sự, thì ba giáo còn lại không thành tựu, chỉ thành tựu về nghĩa trong giáo ấy mà thôi.

Nhưng phân định về kinh Hoa Nghiêm gồm đủ Viên-Biệt, bởi vì dựa vào Đẳng Địa trở lên; dựa theo hành thứ tự (Hành bố) thuộc phần vị nương nhờ, làm nghĩa của Biệt, tên gọi khác mà nghĩa giống nhau, cũng không có sai sót gì lớn.

Ba là Pháp sư Nguyên Hiếu ở Hải Đông vào đầu đời Đường, cũng thiết lập bốn giáo: 1- Tam thừa Biệt giáo, như kinh Tứ Đế-Duyên Khởi... 2- Tam thừa Thông giáo, như kinh Bát Nhã-Giải Thâm Mật... 3- Nhất thừa Phần giáo, như kinh Phạm Võng... 4- Nhất thừa Mãn giáo, như kinh Hoa Nghiêm... Nhưng Tam thừa cùng học, gọi là Tam Thừa giáo, trong đó chưa trình bày về Pháp Không, gọi là Biệt Tướng giáo; thuyết về các Pháp Không, đó là Thông giáo. Không giống với Nhị thừa, gọi là Nhất Thừa giáo, trong đó chưa hiển bày về pháp rộng khắp, gọi là Tùy Phần giáo; trình bày đầy đủ về pháp rộng khắp, gọi là Viên Mãn giáo. Nhưng Sư này trên đại thể giống với Thiên Thai, chỉ hợp lại Biệt-Viên, thêm vào phần Nhất Thừa mà thôi, tự nói là tạm thời dựa vào Thừa-Môn, sơ lược thiết lập bốn loại, không phải nói là bốn giáo này thâm nhiếp toàn bộ tất cả, cho nên không có gì sai lầm.

Bốn là Tuệ Uyển-đệ tử của Hiền Thủ, dựa vào luận Bảo Tánh, thiết lập bốn loại giáo, luận nói: “Có bốn loại chúng sinh, không hiểu biết về Như Lai Tạng, như người mù mắt: Một là phàm phu, hai là Thanh văn, ba là Bích-chi Phật, bốn là Bồ-tát mới phát tâm.”

Nói về bốn giáo: 1. Mê chân dị chấp giáo, là phàm phu trong luận ấy; 2. Chân nhất phần bán giáo, là Nhị thừa trong luận ấy; 3. Chân nhất phần mãn giáo, là Bồ-tát mới phát tâm trong luận ấy; 4. Chân cụ phần mãn giáo, tức là người nhận biết về Như Lai Tạng trong luận ấy. Giáo thứ nhất nói là các ngoại đạo mê muội đối với chân lý, khởi lên nhiều

kiến chấp lạ lùng. Giáo thứ hai nói là Tiểu thừa, ở trong hai phần nghĩa Tùy duyên-Bất biến của Chân Như, chỉ nói về Lý đã hiển bày của Sinh Không, cho nên gọi là Bán (nửa), như Bán tự trong kinh Niết Bàn. Giáo thứ ba nói là chỉ đạt được Bất biến, không đạt được Tùy duyên, cho nên gọi là Nhất phần, mà cùng phân rõ về hai Không, cho nên gọi là Mãn. Giáo thứ tư bởi vì đầy đủ hai nghĩa Tùy duyên-Bất biến, cho nên gọi là Cụ phần. Rộng ra như luận ấy nói.

Nhưng nay phân định về Thánh giáo, lẽ nào xen lẫn Tà thuyết? Nếu đối với Giáo chủ, thì thuận theo như phương này (Trung Hoa) trước phải thiết lập ba giáo; hoặc là như Tây Vực, phân ra nội-ngoại và lục sư... Lại dựa vào kinh Niết-bàn làm Bán-Mãn, thì hai giáo sau đã đầy đủ, không nên nói là còn có một phần; đã nói là chỉ đạt được một phần Bất biến, lẽ nào gọi là Mãn? Vả lại, Niết-bàn Bán-Mãn, lẽ nào chỉ dựa theo hai Không; lẽ nào kinh ấy không thuyết về Diệu Hữu, mà chỉ trích về Không hay sao? Vì vậy, giáo đã thiết lập, chưa phải là thỏa đáng.

**2) Thiết lập năm loại giáo, sơ lược có hai người:**

Một là Tam tạng Ba-phái thiết lập: 1. Tứ Đế giáo, đó là Tứ A Hàm...; 2. Vô Tướng giáo, đó là các kinh Bát-nhã; 3. Quán Hạnh giáo, đó là kinh Hoa Nghiêm; 4. An Lạc giáo, đó là kinh Niết-bàn, bởi vì thuyết về Thường Lạc; 5. Thủ Hộ giáo, đó là kinh Đại Tập, bởi vì thuyết về sự việc Thủ hộ Chánh pháp. Đây là giải thích hạn chế về tên gọi, bởi vì Quán Hạnh... đều có lẫn nhau.

Hai là năm giáo do Hiền Thủ thiết lập, đến phần sau sẽ nhận biết.

Phần sau là trình bày về Tây Vực: Tức là hai Tông về Tánh-Tướng bây giờ, vốn phát xuất từ phương ấy, cho nên gọi là Tây Vực, nghĩa là ở chùa Na-lan-đà đồng thời có hai vị Đại đức: 1. Tên gọi Giới Hiền; 2. Tên gọi Trí Quang.

1) Luận sư Giới Hiền, xa thì kế thừa Di-lặc, Vô Trước; gần thì theo sau Hộ Pháp, Nan-đà, dựa vào kinh Giải Thâm Mật..., luận Du Già..., thiết lập ba loại giáo, dùng Pháp tướng Đại thừa để làm Liễu Nghĩa, tức là bậc thầy (Tông Sư) mà Đường Tam tạng theo học. Nghĩa là Đức Phật trong Thời thứ nhất ở Lộc Uyển, chuyển pháp luân Tứ Đế thuộc Tiểu thừa, thuyết về các pháp hữu vi đều từ duyên sinh, để phá trừ nhân thuộc tự tánh... của ngoại đạo. Lại duyên sinh Vô ngã vượt qua Hữu ngã của ngoại đạo, nhưng hãy còn chưa thuyết về lý của pháp Vô ngã, chính là Tứ A Hàm. Trong Thời thứ hai, tuy dựa vào Biến kế sở chấp, mà thuyết về tự tánh của các pháp đều Không, vượt qua Tiểu

thừa ấy, nhưng đối với Y tha-Viên thành hỷ còn chưa thuyết là có, tức là các bộ kinh Bát Nhã... Trong Thời thứ ba, dựa vào Chánh lý của Đại thừa, thuyết đầy đủ về ba Tánh-ba Vô tánh..., mới là lý tận cùng, tức là kinh Giải Thâm Mật... Vì vậy đối với ba Thời ấy, Thời thứ nhất thuộc về Hữu biên, Thời thứ hai thuộc về Không biên, cả hai Thời không phải là Liễu Nghĩa; Thời thứ ba thuyết đầy đủ về Tánh Không của Biến kế, hai Tánh còn lại là có, phù hợp với Trung đạo, mới là Liễu Nghĩa. Đây là dựa vào kinh Giải Thâm Mật mà phân định.

2) Luận sư Trí Quang, xa thì kế thừa Văn Thù-Long Thọ, gần thì tiếp nhận Thanh Mục-Thanh Biện, dựa vào kinh Bát Nhã..., luận Trung Quán..., cũng thiết lập ba Thời giáo, bởi vì trình bày Vô tướng Đại thừa là Liễu Nghĩa chân thật. Nghĩa là Đức Phật trong Thời thứ nhất ở Lộ Uyển thuyết về Tiểu thừa, trình bày về tâm-cảnh cùng có. Trong Thời thứ hai, vì hàng Trung căn, thuyết về đạo lý Duy thức của cảnh Không-tâm Hữu thuộc Pháp tướng Đại thừa, bởi vì căn cơ hỷ còn yếu kém, chưa thể nào hoàn toàn tiến vào Chân Không bình đẳng. Do đó về sau, trong Thời thứ ba vì hàng Thượng căn, thuyết giảng về Vô tướng Đại thừa, phân rõ về tâm-cảnh đều Không, cùng một vị bình đẳng làm Liễu Nghĩa chân thật.

Lại ở Thời thứ nhất, từng bước phá bỏ kiến chấp về tự tánh... của ngoại đạo, cho nên thuyết về pháp thuộc nhân duyên sinh, quyết định là có. Thời thứ hai, từng bước phá bỏ kiến chấp về duyên sinh thật có của Tiểu thừa, cho nên thuyết về Y tha tựa như có, bởi vì Tiểu thừa ấy sợ hãi Chân Không này, cho nên giữ lại Giả danh, mà tiếp nhận dẫn dắt họ. Thời thứ ba, mới dựa vào cứu cánh mà thuyết về duyên sinh tức là Không, cùng một vị bình đẳng. Thứ tự ba Thời này, như trong Bát Nhã Đẳng Luận Thích của Luận sư Trí Quang, dẫn ra kinh Đại Thừa Diệu Trí để giải thích.

Nhưng ba Thời của hai vị này, đều không thể nào quyết định về Thời Giáo của một đời, bởi vì đều có chứng cứ trái ngược lẫn nhau. Khác nhau bởi vì Thời thứ nhất đối với một loại căn cơ, vốn là ý của kinh Giải Thâm Mật. Bởi vì Thời thứ hai đối với một loại căn cơ, vốn là thuộc về kinh Bát Nhã, nghe về bình đẳng Không, gạt bỏ không có nhân quả, không hiểu về Không-Hữu vốn không hai. Thời thứ ba, là phân tích về nghĩa của Không-Hữu ở trong một pháp, đó là kinh Diệu Trí, bởi vì một loại căn cơ nghe thuyết về ba Tánh mà mê mờ về Duy Thức, chưa thể nào quên tâm để quán sát duyên khởi, nhất định nói là tựa như có, khiến cho quên hết toàn bộ tâm-cảnh, ngay nơi Sự mà chân

thật, đạt được ý này, thì không trái ngược nhau.

Nhưng muốn hội tụ hai Tông này, thì cần phải nhận biết về nghĩa thiết lập của hai Tông, có nhiều sai biệt. Sơ lược nêu ra mấy điều: 1. Sai biệt về Nhất thừa-Tam thừa; 2. Sai biệt về một Tánh-năm Tánh; 3. Sai biệt về chỉ do tâm Chân-Vọng; 4. Sai biệt về Chân Như thuộc Tùy duyên-Bất biến; 5. Sai biệt về ba tánh Không-Hữu ngay trong nhau-tách rời nhau; 6. Sai biệt về chúng sinh-Phật không tăng-không giảm; 7. Sai biệt về hai Đế thuộc Không-Hữu ngay trong nhau-tách rời nhau; 8. Sai biệt về bốn Tướng ngay một lúc-trước-sau; 9. Sai biệt về chủ động-thụ động Đoạn-Chứng ngay trong nhau-tách rời nhau; 10. Sai biệt về thân Phật thuộc Vô vi-Hữu vi.

Lại hai nghĩa đầu, bởi vì Tánh có năm-một không giống nhau, khiến cho Thừa có ba-một thuộc Quyền-Thật.

Như ý của Tông Pháp Tướng, vốn dùng Nhất thừa làm Quyền, Tam thừa làm Thật. Trong giáo thuộc ba Thời của kinh Giải Thâm Mật, Thời thứ nhất đều không thành tựu, Thời thứ hai luôn luôn thành tựu, là bởi vì hoặc vượt quá-hoặc không bằng, đều không phải là Liễu Nghĩa. Trong Thời thứ ba, Hữu tánh thì thành tựu, Vô tánh thì không thành tựu, mới là Liễu Nghĩa, cho nên nói là khắp nơi vì người phát tâm hướng về tất cả các Thừa. Lại trong hai quyển đầu, đều nói Nhất thừa là thuyết về ý bí mật, cho nên biết là Quyền. Lại trong kinh Thắng Man, vốn dùng Nhất thừa làm phương tiện. Trong kinh Đại Bát Nhã quyển 593: “Bồ-tát Thiện Dũng Mãnh nói: Chỉ nguyện Đức Thế Tôn thương xót chúng con, vì chúng con tuyên thuyết đầy đủ về Cảnh-Trí của Như Lai, nếu chúng loại hữu tình, tánh quyết định đối với Thanh văn Thừa, nghe pháp này rồi, nhanh chóng có thể chứng được Địa vô lậu của mình; tánh quyết định đối với Độc giác Thừa, nghe pháp này rồi, nhanh chóng dựa vào Thừa của mình mà đạt được giải thoát (xuất ly); tánh quyết định đối với Vô thượng Thừa, nghe pháp này rồi, nhanh chóng chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Nếu chúng loại hữu tình, tuy chưa hẳn đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, mà tánh bất định đối với Tam thừa, nghe pháp này rồi, đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác.” Kinh Giải Thâm Mật quyển thứ 2 đại ý giống như kinh này. Lại nói: “Tất cả Bồ-đặc-già-la thuộc chúng tánh Thanh văn hướng đến vắng lặng, tuy được chư Phật thi thiết đủ loại gia hạnh dũng mãnh-phương tiện giáo hóa dẫn dắt, mà cuối cùng không thể nào khiến cho hướng về ngôi nơi Đạo tràng, chứng được A-nậu Đa-la Tam miệu Tam Bồ-đề.” Lại trong kinh Thập Luân quyển thứ 9 cũng nói: “Tam thừa đều nhất định sai

biệt, đều bởi vì Tánh nhất định là năm.” Vì vậy trong kinh Lăng Già nói: “Đức Phật bảo với Đại Tuệ: Có năm loại chủng tánh, một là tánh thuộc Thanh văn Thừa, hai là tánh thuộc Bích-chi Phật Thừa, ba là tánh thuộc Như Lai Thừa, bốn là tánh thuộc Bất định Thừa, năm là Vô tánh.” Luận Đại Trang Nghiêm và luận Du Già, đều giống như cách nói này. Kinh Thiện Giới-kinh Địa Trì, tuy chỉ nói về hai chủng tánh, một là có chủng tánh, hai là không có chủng tánh, nhưng cũng nói là người không có chủng tánh, bởi vì không có chủng tánh, cho nên tuy là thường xuyên thực hành tinh tiến, cuối cùng không thể nào đạt được Vô thượng Bồ-đề, chỉ dùng thiện căn của trời-người, mà thành thực về Vô tánh. Luận Du Già cũng giống như cách nói này.

Nếu là ý của Tông Pháp Tánh, thì bởi vì Tam thừa là Quyền, Nhất thừa làm Thật. Kinh Pháp Hoa nói: “Trong quốc độ chư Phật mười phương, chỉ có giáo pháp của Nhất thừa, không Nhị thừa cũng không Tam thừa, ngoại trừ Phật phương tiện thuyết ra.” Lại nói: “Đầu tiên dùng Tam thừa để dẫn dắt chúng sinh, sau đó chỉ dùng Đại thừa mà độ thoát, bởi vì tánh chỉ có một.” Vì vậy nói: “Chư Phật-Đấng phước trí đầy đủ, nhận biết pháp thường không có tánh.” Lại quyển thứ 3 nói: “Một tướng-một vị cứu cánh, tướng Niết-bàn thường tịch diệt.” Kinh Niết Bàn cũng nói: “Phật tánh, gọi là Nhất thừa; Sư tử hống, gọi là quyết định thuyết giảng. Quyết định thuyết giảng rõ ràng tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, hễ là có tâm thì nhất định sẽ làm Phật.” Quyển thứ 33 lại nói: “Tất cả chúng sinh cùng có Phật tánh, đều cùng một Thừa, cùng một giải thoát, một nhân-một quả, cùng một vị cam lộ, tất cả sẽ đạt được Thường-Lạc-Ngã-Tịch, đó gọi là một vị.” Lại kinh Pháp Hoa quyển thứ ba nói: “Sau khi Ta diệt độ, lại có đệ tử không nghe đến kinh này, không nhận biết-không hiểu rõ về công hạnh của Bồ-tát, tự đối với công đức mà mình đạt được nảy sinh ý tưởng diệt độ, sẽ nhập Niết-bàn, mình làm Phật ở đất nước khác, lại có tên gọi khác. Người này tuy nảy sinh ý tưởng diệt độ, tiến vào Niết-bàn, mà ở quốc độ ấy cầu mong trí tuệ của Phật, được nghe kinh này, chỉ dùng Phật thừa mà được diệt độ...” Trí Luận quyển thứ 95 cũng giống như cách nói này, thì biết rõ ràng hướng về vắng lặng quyết định hồi tâm. Trong luận Pháp Hoa nói: “Quyết định và tăng thượng mạn trong bốn loại Thanh văn, bởi vì hai căn này chưa thuần thực, Bồ-tát thọ ký phương tiện khiến cho phát tâm.” Đã nói là chưa thuần thực, thì rõ ràng nhất định sẽ thuần thực; phương tiện khiến cho phát khởi, tức là tâm Bồ-đề. Không thể nào không thuận với tông chỉ của mình, mà phân định để luận bàn sai lầm.

Nhập Lăng Già quyển thứ 2, thứ 4, thứ 7, đều cùng nói Nhị thừa không có Niết-bàn thật sự, mà chỉ là lực của Tam-muội, sau nhất định sẽ đạt được Vô thượng Bồ-đề. Trong luận Pháp Hoa, ý cũng giống như vậy, đều là giả thuyết về Niết-bàn, cho nên nói là Tam-muội. Kinh Thắng Man cũng nói: “Nói các hàng Nhị thừa đạt được Niết-bàn, là phương tiện của Phật.” Lại trong kinh Vô Thượng Y và luận Bảo Tánh-luận Phật Tánh đều nói: “Nhị thừa nhập diệt, ở ngoài ba cõi, lại thọ Biến dịch.” Trong kinh Mật Nghiêm nói: “Nhị thừa hoàn toàn không có cảnh giới của Vô vi tịch diệt.” Kinh luận như vậy, văn ấy không phải là ít, Thanh văn vĩnh viễn vắng lặng, chắc chắn không có thì rõ ràng rồi. Trong kinh Niết Bàn quyển thứ 9 ở phẩm Bồ-tát, mở rộng trình bày về Xiển-đề đoạn mất thiện căn không thể nào phát tâm, văn ấy đã nói: “Nhất Xiển-đề ấy tuy có Phật tánh, mà bị ràng buộc bởi rất nhiều tội lỗi, không thể nào thoát ra được, như nhộng tằm ở trong kén.” Vậy thì có chứ không phải không có. Lại nói: “Hoặc có Phật tánh, ở hạng Nhất Xiển-đề thì có, mà người thiện căn thì không có...” Vậy thì biết không có người nào không có chủng tánh. Hơn nữa, trước đây dẫn ra năm tánh trong Lăng Già mà tự mình không nhận ra văn ấy, trong kinh ấy nói về tánh thứ năm: “Năm là Vô tánh, đó là Nhất Xiển-đề. Ở đây có hai loại: 1. Đốt cháy tất cả thiện căn, tức là bài báng Bồ-tát Tạng; 2. Thương xót tất cả chúng sinh giới, tức là Bồ-tát. Nếu có chúng sinh không nhập Niết-bàn, thì Ta cũng không nhập. Đại Tuệ thưa rằng: Hai loại này thì loại nào luôn luôn không nhập Niết-bàn? Đức Phật bảo rằng: Bồ-tát luôn luôn không nhập Niết-bàn, không phải là loại đốt cháy tất cả thiện căn, bởi vì nhận biết các pháp xưa nay là Niết-bàn, cho nên không rời bỏ tất cả các chúng sinh.” Ý này trình bày về Bồ-tát nhập mà không nhập. Đã nói rằng Bồ-tát luôn luôn không nhập, chứ không phải Xiển-đề, thì rõ ràng Xiển-đề về sau chắc chắn là nhập, hơn nữa kinh tự nói: “Lại bởi vì thần lực của Như Lai, có lúc làm phát sinh thiện căn hay sao?” Luận Trang Nghiêm quyển thứ 5 nói: “Vô tánh cũng có hai loại: Một là Thời biên, hai là Tất cánh. Thời biên, đó là tạm thời không có, tức là Xiển-đề trước đây. Tất cánh, đó là vĩnh viễn không có, tức là Đại Bi của Bồ-tát.” Vậy thì biết trước đây đã dẫn ra kinh Đại Bát Nhã-Giải Thâm Mật..., đều là trước lúc chưa thuyết về Pháp Hoa, dựa vào thời gian lâu dài mà nói đến Định tánh-Vô tánh chứ không phải vĩnh viễn là Định tánh-vĩnh viễn là Vô tánh, các luận tùy theo Phật mà phương tiện thành lập, cho nên nói là Định tánh và Vô tánh mà thôi. Do đó, luận Bảo Tánh-Phật Tánh... đều nói, bởi vì Nhất Xiển-đề bài báng là nhân



của Đại thừa, dựa vào thời gian vô lượng mà nói là không có Phật tánh, chứ không nói hoàn toàn không có tánh thanh tịnh.

Nếu nói Pháp Hoa là giáo thuộc Thời thứ hai, bởi vì dẫn ra Nhị thừa Bất định, nói là tất cả đều thành Phật, mà hãy còn chưa nói đến Định tánh không thành tựu, cho nên gọi là Mật Ý, không phải là Liễu Nghĩa, thì vì sao tự mình phân định Pháp Hoa làm giáo thuộc Thời thứ ba, ai dám phân định đối với Pháp Hoa là giáo Bất Liễu Nghĩa? Trong kinh Diệu Trí, và trong Lương Nhiếp Luận thành lập về Chánh pháp, đều đem Nhất thừa đặt ở sau Tam thừa. Vì vậy trong Bộ Dị Chấp Ký của Tam tạng Chân Đế nói: “Ba mươi tám năm sau, thuyết về kinh Giải Tiết...” Kinh Vô Lượng Nghĩa nói: “Bốn mươi năm sau, thuyết về kinh Pháp Hoa.” Biết rõ rằng Pháp Hoa ở sau, bởi vì kinh nói: Lúc sắp sửa chấm dứt. Nếu không tin Pháp Hoa ở sau, thì Niết-bàn sắp chấm dứt, rõ ràng là đáng tin, lẽ nào cũng không dùng một tánh của Nhất thừa để phá bỏ năm tánh của Tam thừa hay sao?

Nếu lấy Bát-nhã làm Thời thứ hai, Pháp Hoa làm Thời thứ ba, đối với lý thì thông suốt. Lại từ kinh Giải Thâm Mật trong Thời thứ ba, khắp nơi làm phát khởi hướng về tất cả các Thừa, dùng Pháp Hoa để phá bỏ Tam thừa, cho nên biết rõ rằng kinh Giải Thâm Mật thuộc Thời thứ ba, không thể nào phân định chắc chắn tất cả Thánh giáo, bởi vì chưa ở vào thời gian cuối cùng. Lại dựa theo để hiển bày về nghĩa cùng một loại, cho nên phân ra ba mà thôi; nghĩa nói như trước.

Nếu đem hướng về Pháp Hoa thì phải có bốn Thời, bởi vì giáo của Nhất thừa phá bỏ Tam thừa trước đây. Nếu nói Phật tánh có hai, một là Lý tánh, hai là Hành tánh, thì Lý tánh nhất định là có, Hành tánh hoặc là không có. Điều này có thể như vậy, bởi vì kinh Niết Bàn nói: “Hoặc có Phật tánh, ở người thiện căn thì có, mà hạng Nhất Xiển-đề thì không có.” Tức là Hành tánh. Hoặc có Phật tánh mà hai người đều có, tức là Lý tánh. Nhưng kinh Niết Bàn dựa vào Lý tánh trình bày về có như nhau, cho nên nói hễ là có tâm thì nhất định sẽ làm Phật, chứ không nói hễ là có hạnh thì nhất định sẽ làm Phật. Nếu nói Lý tánh nhất định là có, mà có lẽ hướng về vắng lặng không thành, do trái với Lý của giáo, thì biết Xiển-đề không làm Phật, bởi vì làm Phật không phải là Xiển-đề, chính là ghìm xuống-nâng lên ngay nơi Thời mà thôi. Nếu nói Pháp Hoa nhập diệt về sau tin vào Nhất thừa, tức là Thanh văn biến hóa thuộc về Quyền, Quyền chắc chắn do Thật mà hóa hiện, không có Thật thì do đầu hóa hiện, lại lẽ nào không sai lầm đối với một loại chúng sinh yếu hèn ưa thích nhập diệt hay sao? Vậy thì biết hướng về vắng lặng,

đều là ý trước Pháp Hoa mà thôi.

Lại trong kinh Thắng Man nói: “Nếu Như Lai tùy theo mong muốn của chúng sinh, mà phương tiện thuyết giảng, tức là Nhất thừa vốn không có Nhị thừa, Nhị thừa hòa vào với Nhất thừa, Nhất thừa tức là Đệ nhất nghĩa Thừa.” Đây là ý trình bày tùy theo mong muốn mà phương tiện thuyết về Nhị thừa, biết rõ ràng chính là Nhất thừa, chứ không có Nhị thừa. Không hiểu rõ ý này, đem phương tiện phía trên, nối liền Nhất thừa phía dưới mà đọc, liền quyết định Nhất thừa, cho là phương tiện, thật là hết sức mê hoặc! Lại trong kinh ấy mở rộng phá bỏ Nhị thừa, nói là không có Niết-bàn. Lại nói: Kinh này đoạn trừ tất cả nghi ngờ, quyết định Liễu nghĩa tiến vào đạo Nhất thừa, lẽ nào nói Nhất thừa, cho là phương tiện hay sao? Giả sử có nói phương tiện, thì hãy còn ở trước Pháp Hoa, huống là không có hay sao? Kinh Pháp Hoa nói: “Kinh này khó tin, khó hiểu, Đức Phật đang tại thế, hãy còn nhiều chê trách ganh ghét, huống gì sau khi Đức Phật diệt độ?” Lời nói này thật là đích xác! Nếu tin mà chấp vào năm tánh thuộc Tam thừa, không tin năm tánh thuộc Nhất thừa, thì thật là đáng thương xót! Vì vậy trong kinh Bách Dụ quyển thứ 2 nói: “Dụ về nhà vua thay đổi thôn xóm, lấy năm Do-tuần làm ba Do-tuần, để dụ cho phương tiện đối với một mà nói thành ba, người đời sau chỉ tin vào ba chứ không tin vào một.” Chính là sự việc ấy.

Dựa theo những chứng cứ khác nhau của hai Tông trên đây, thì trái ngược lẫn nhau. Trái lại nếu kết hợp để giải thích, thì cũng không trái ngược nhau. Nghĩa là dựa vào Cơ thì có ba, dựa theo Pháp thì chỉ một; mới xông ướp thì có năm, vốn có thì không hai. Nếu tiến vào Lý rời bỏ cả hai, thì ba-một mất hết cả hai; nếu dựa theo Hóa nghi của Phật, thì có thể là ba, có thể là một. Vì thế cho nên phát sinh chấp trước đúng sai, thông hiểu thì không có gì tranh cãi trái ngược. Năm bộ Đại Tập, tuy khác nhau mà không tách rời pháp giới; Niết Bàn đều thuyết về nhân của thân, Đức Phật thừa nhận tất cả đều là Chánh thuyết. Nghĩa còn lại tiếp về sau sẽ hiểu. Những điều trái-thuận của xưa và nay, xong.

Ba: Phân tích tông chỉ thiết lập của giáo, phân hai: 1. Dùng nghĩa để phân Giáo; 2. Dựa vào Giáo để phân Tông.

**Phần 1:** Dùng nghĩa để phân Giáo: Chủng loại của giáo có năm, tức là do Hiền Thủ đã thiết lập, mở rộng có chương riêng biệt, trên đại thể giống với Thiên Thai, chỉ thêm vào Đốn giáo. Trước là sử dụng giáo đã thiết lập, sau là tổng hợp thông suốt. Có chỗ không phù hợp thì có

thể thay đổi. Nói về năm giáo: Một. Tiểu thừa giáo; Hai. Đại thừa Thủ giáo; Ba. Chung giáo; Bốn. Đốn giáo; Năm. Viên giáo.

Một là Tiểu thừa giáo, tức là Tạng giáo của Thiên Thai.

Hai là Thủ giáo, cũng gọi là Phần giáo. Bởi vì giáo thuộc về Thời thứ hai, thứ ba trong kinh Giải Thâm Mật, cùng thừa nhận Định tánh Nhị thừa đều không thành Phật, cho nên nay hợp lại toàn bộ làm một giáo. Giáo này đã chưa tận cùng về Lý của pháp Đại thừa, cho nên thiết lập làm đầu tiên; có phần không thành Phật, cho nên gọi là Phần.

Ba là Chung giáo, cũng gọi là Thật giáo. Định tánh Nhị thừa, Vô tánh Xiển-đề, đều sẽ thành Phật, mới tận cùng sự thuyết giảng cao nhất của Đại thừa, cho nên thiết lập làm cuối cùng; bởi vì Lý phù hợp với Thật, cho nên gọi là Thật.

Bốn là Đốn giáo: Chỉ một niệm không sinh, thì gọi là Phật; không dựa vào thứ tự phần vị của Địa mà thuyết, cho nên gọi là Đốn. Như kinh Tư Ích nói: “Đạt được Chánh tánh của các pháp, không từ một Địa này đến nơi một Địa khác.” Kinh Lăng Già nói: “Địa thứ nhất đã là Địa thứ tám, cho đến không hề có thứ tự gì.” Không giống như trước đây theo thứ tự phần vị tu hành, không giống như về sau viên dung đầy đủ đức, cho nên thiết lập gọi là Đốn; lập tức giải thích về lý này, cho nên gọi là Đốn giáo. Sở dĩ Thiên Thai không thiết lập, là bởi vì trong bốn giáo đều có một Tuyệt ngôn. Nay lại tách ra, thì Đốn là hiển bày về Tuyệt ngôn, riêng biệt làm một loại, bởi vì Cơ lìa xa niệm, tức là thuận với Thiền tông.

Năm là Viên giáo: Trình bày về một phần vị tức là tất cả các phần vị, tất cả các phần vị tức là một phần vị, cho nên Thập Tín đầy đủ tâm, tức là thấu nhiếp năm phần vị thành tựu Chánh giác... Dựa vào pháp giới của Phổ Hiền, Đế Vông trùng trùng, chủ-bạn đầy đủ, cho nên gọi là Viên giáo, như kinh này thuyết giảng...

Nếu dựa theo pháp tướng đã thuyết giảng, thì:

Một là trong Tiểu thừa: Chỉ nói về 75 pháp, chỉ nói về Nhân Không; dù cho nói ít về Pháp Không, mà cũng không trình bày rõ ràng, chỉ dựa vào sáu Thức-ba Độc, kiến lập về nhiễm-tịnh căn bản, cho nên kinh A Hàm nói: “Tham-sân-ngu si là căn bản của thế gian...” Bởi vì chưa tận cùng nguồn cội của pháp, cho nên có nhiều tranh luận, chấp theo bộ phái không giống nhau.

Hai là trong Thủ giáo: Nói nhiều về pháp tướng, nói ít về pháp tánh, mà pháp tánh đã nói, tức là số lượng của pháp tướng. Nói có 100 pháp quyết định chọn lựa rõ ràng, cho nên ít xảy ra tranh luận. Nói có

tám Thức, chỉ là sinh diệt. Dựa vào Thức sinh diệt, kiến lập về nhân của sinh tử và Niết-bàn. Chứng tử của pháp vốn như vậy, có và không có luôn luôn sai khác, cho nên năm Tánh quyết định không giống nhau. Đã thiết lập về Thức, chỉ do nghiệp hoặc mà sinh ra. Đã thiết lập về Chân Như, luôn luôn Bất biến, không chấp nhận Tùy duyên. Tánh Y tha khởi, tựa như có mà không thể không có; không phải ngay nơi Vô tánh, là Viên thành Chân Không. Nói về nghĩa Không trong kinh, chỉ dựa theo kiến chấp. Đã nói ba tánh-năm tánh không giống nhau, cho nên nói một phần chúng sinh nhất định không thành Phật, gọi là Chúng sinh giới không giảm. Chân đế-Tục đế, cách xa không giống nhau. Không phải Đoạn, không phải Thường, quả sinh-nhân diệt. Bốn tướng đồng thời, diệt biểu thị về sau không có. Căn bản trí và Hậu đắc trí, duyên với cảnh mà đoạn hoặc, nghĩa nói về quán sát cả hai mà quyết định soi chiếu riêng biệt. Dùng Trí hữu vi, chứng Lý vô vi, nghĩa nói không khác nhau mà thật thì không phải một. Đã là Trí xuất thế, dựa vào chứng tử của Thức sinh diệt, cho nên phẩm tâm thuộc bốn Trí, bị tướng làm cho thay đổi. Báo thân của quả Phật, là vô lậu của hữu vi. Nghĩa tương tự như vậy, mở rộng có rất nhiều, nói đầy đủ như luận Du Già-Tạp Tập...

Ba là trong Chung giáo: Nói ít về pháp tướng, nói nhiều về pháp tánh, mà pháp tướng đã nói, cũng hội tụ đưa về tánh. Đã thiết lập tám Thức, bao gồm Như Lai Tạng, Tùy duyên thành lập. Không sinh diệt hòa hợp với sinh diệt, mà thành tựu không phải một, không phải khác. Tất cả chúng sinh, một tánh bình đẳng. Chỉ là Chân Như, Tùy duyên thành lập. Y tha vô tánh, tức là Viên thành. Một lý bình đẳng, cho nên nói Chúng sinh giới-Phật giới không tăng-không giảm. Đệ nhất nghĩa Không, bao quát tất cả Chân-Vọng. Chân không phải ngoài Tục, bởi vì ngay nơi Tục mà Chân. Tuy là Không mà không Đoạn, tuy có mà không Thường. Bốn tướng đồng thời, Thể tánh ngay nơi Diệt. Duyên vào cảnh đoạn Hoặc, không hai mà hai. Có chủ động đoạn trừ-thụ động đoạn trừ, hai mà không hai. Nói là Nội Chứng, soi chiếu Hoặc không có gốc rễ, tức là Thể của Trí; soi chiếu Thể không có tự tánh, tức là Chứng Như. Không phải Trí ngoài Như, là Trí đã Chứng. Không phải Như ngoài Trí, chủ động Chứng đối với Như. Trí thế gian-xuất thế gian, dựa vào Như Lai Tạng, Thỉ giác-Bổn giác không hai, thì hữu vi-vô vi không phải một-không phải khác. Vì vậy Hóa thân của Phật tức là Thường-tức là Pháp, không thuộc về những số lượng, hướng hồ Thể của Báo thân, tức là Trí của Thể, không phải do tướng mà thay đổi. Nghĩa tương tự như vậy, cũng có rất nhiều, theo thứ tự so sánh với trên, như kinh Lăng

Già..., luận Khởi Tín... Nếu hội tụ hai Tông trên đây, thì rộng ra như nói riêng biệt.

Bốn là trong Đốn giáo: Toàn bộ không nói về pháp tướng, chỉ phân rõ về Chân tánh, cũng không có tướng sai biệt của tám Thức. Tất cả vốn có, chỉ là vọng tưởng. Tất cả pháp giới, chỉ là Tuyệt ngôn. Năm pháp-ba tự tánh đều là Không, tám Thức và hai Vô ngã cùng loại bỏ. Chỉ trích giáo-khuyến khích lia xa, phá bỏ tướng-phai mờ tâm, sinh tâm tức là vọng, không sinh tức là Phật. Cũng không có Phật-không có gì không phải Phật, không có sinh-không có gì không sinh. Như Tịnh Danh đứng im lặng hiển bày về không hai..., tức là ý này.

Năm là trong Viên giáo: Đã nói chỉ là pháp giới vô tận, biến tánh viên dung, duyên khởi vô ngại. Ngay trong nhau-hòa vào nhau, như Nhân-đà-la vông trùng trùng không có giới hạn. Vi tế dung chứa lẫn nhau, chủ-bạn không có tận cùng. Mười lớp mười pháp môn, tất cả thâm nhiếp pháp giới. Trong phần Phạm vi giới hạn của nghĩa lý, sẽ giải thích đầy đủ.

**Phần 2:** Dựa vào Giáo để phân tông, tông lại có mười. Như trong phần Tông chỉ của kinh sẽ phân rõ.

Bốn Tổng quát về tướng kết hợp nối thông, gộp lại phân làm hai: Trước là kết hợp tất cả các giáo; sau là kết hợp về nghi thức giáo hóa trước-sau.

Trước là kết hợp tất cả các giáo: Các Sư lập giáo, đều từ chứng cứ của mình. Nay tuy thiết lập năm giáo, mà cũng kết hợp chọn lấy các thuyết, tóm lược có năm lớp:

1) Hoặc tổng hợp làm một, nói đó chỉ là một phương tiện vô cùng khéo léo của Như Lai thâm nhiếp chúng sinh, do một âm thanh mà thuyết giảng; thì hai Sư trước đây thiết lập về Nhất Âm giáo, không sai lạc đạo lý.

2) Hoặc tách ra làm hai, ở đây lại có ba: Một là đối với Tiểu hiển bày về Đại, một loại đầu là Bán Tự giáo, bốn loại sau đều là Mãn Tự giáo, bởi vì không có gì trái với hai Tạng đã nói. Hai là đối với Quyền hiển bày về Thật, bởi vì hai giáo trước là Tam thừa, ba giáo sau là Nhất thừa, thì không trái với Tứ thừa trong Pháp Hoa. Ba là hai giáo thứ ba-thứ tư (Chung giáo-Đốn giáo), tuy là mất đi hai giáo khác nhau trước đây, mà đối với ba giáo sau hiển bày về một, trở lại khéo léo thuận theo căn cơ. Một giáo thứ năm thẳng thắn hiển bày về pháp căn bản, luôn luôn không giống nhau, nói như Trí Luận. Ở đây giống với Bình Đạo giáo-Khuất Khúc giáo của Pháp sư Ấn.

3) Hoặc phân làm ba: Đầu là một giáo thuộc về Tiểu thừa, tiếp là một giáo thuộc về Tam thừa, sau là ba giáo thuộc về Nhất thừa. Hoặc chỉ riêng một giáo sau là Bất cộng thuộc Nhất thừa, Trí Luận chỉ ra giáo này dùng làm Bất cộng, kinh Đại Phẩm... cùng thuyết về Nhị thừa. Ba giáo này cũng thuận theo Tứ thừa. Lại trong Lương Nhiếp Luận quyển thứ 8 nói: “Như Lai thành lập Chánh pháp có ba loại: Một. Thành lập Tiểu thừa; Hai. Thành lập Tam thừa; Ba. Thành lập Nhất thừa. Giáo thứ ba thù thắng nhất, cho nên gọi là khéo léo thành lập.” Điều này cũng giống như kinh Diệu Trí. Trong Bộ Dị Chấp Sở quyển thứ 2 của Tam tạng Chân Đế, cũng giống như ở đây nói.

4) Hoặc phân làm bốn, ở đây cũng có hai môn: Một là ba giáo ở giữa, giữ lấy ba giáo-làm phai mờ hai giáo riêng biệt, cho nên tách ra làm bốn: a) Biệt giáo Tiểu thừa, như Tứ A Hàm...; b) Đồng giáo Tam thừa, như kinh Giải Thâm Mật...; c) Đồng giáo Nhất thừa, như kinh Pháp Hoa...; d) Biệt giáo Nhất thừa, như kinh Hoa Nghiêm. Hai là dựa theo trải qua phần vị-không có phần vị, tách ra Đốn và Tiệm, cho nên phân làm bốn, tổng hợp hai giáo thứ hai-thứ ba để làm Tiệm giáo, còn lại đều như tên gọi.

5) Hoặc phân làm năm, như trước đây đã thiết lập, bởi vì trong Tiệm giáo có Thỉ giáo và Chung giáo. Nhưng chọn lấy phần nhiều, sơ lược nêu ra một số kinh, thật sự không phải phân định hạn chế, bởi vì trong một kinh dung nạp nhiều giáo.

Sau là kết hợp về nghi thức giáo hóa trước-sau: Nay phân rõ về Thời giáo trong một đời của Đức Như Lai, sơ lược đưa ra mười môn: 1- Bốn mặt sai biệt môn; 2- Y bốn khởi mặt môn; 3- Nhiếp mặt quy bốn môn; 4- Bốn mặt vô ngại môn; 5- Tùy cơ bất định môn; 6- Hiện mặt đồng thời môn; 7- Nhất thời đốn diễn môn; 8- Tịch khoan vô ngôn môn; 9- Cai thông tam tế môn; 10- Trùng trùng vô tận môn.

1) *Bốn mặt sai biệt môn*: Bốn-Mặt đồng thời, thỉ-chung một loại, đều không có gì nói khác nhau. Nhưng có ba phần vị: Một. Nếu trong Tiểu thừa, thì đầu tiên độ Kiều Trần Như, cuối cùng độ Tu-bạt Đà-la, trung gian cũng chỉ thuyết về Tiểu thừa làm lợi ích cho Tiểu thừa, như kinh Tứ A Hàm và năm bộ Luật. Hai. Nếu dựa theo Tam thừa, thì từ đầu đến cuối thuyết về Tam thừa làm lợi ích cho tất cả ba loại căn cơ, như kinh Mật Tích... Ba. Nếu dựa theo Nhất thừa, thì từ đầu đến cuối chỉ vì căn cơ viên mãn, thuyết giảng về giáo viên mãn cuối cùng, như kinh Hoa Nghiêm, trong đó không bao gồm Tiểu thừa, lại thấu nhiếp chín đời, đầy đủ từ trước đến sau, lại không có gì nói khác nhau. Nhưng ba

loại này, dựa vào căn tánh nhất định của đời này, thường nghe một loại pháp như trên, cho nên Đức Phật đã thuyết giảng đều bao gồm từ đầu đến cuối, lại không có trước sau.

2) *Y bốn khởi mạt môn*: Ở đây có năm loại, đó là một vì Bồ-tát mà thuyết về Đại, hai vì Duyên giác, ba vì Thanh văn, bốn vì chúng sinh thiện căn, năm vì tà định. Như phẩm Xuất Hiện nói: “Mặt trời soi chiếu núi cao và Tam thiên.” Trong dụ về bắt đầu thành tựu mở rộng phân rõ về tướng ấy, đều trình bày trước là Đại-sau là Tiểu, dựa theo pháp gọi là từ Bốn mà khởi Mạt, bởi vì từ một Phật Thừa phân biệt nói ra ba. Mười tám bộ phái vốn có hai đều phát xuất từ Đại thừa, dựa theo căn cơ thì đều là căn cơ thuộc một loại, không phải dựa theo Đại-Tiểu trước sau của một căn cơ.

3) *Nhiếp mạt quy bốn môn*: Dựa vào kinh Vô Lượng Nghĩa, Thời thứ nhất thuyết về Tiểu thừa, Thời tiếp theo thuyết về Trung thừa, Thời cuối cùng thuyết về Đại thừa. Vì vậy kinh Pháp Hoa cũng nói: “Đầu tiên chuyển pháp luân Tứ Đế.” Kinh Giải Thâm Mật và kinh Diệu Trí, tuy là hai Thời sau thuyết về Tam thừa-Nhất thừa không giống nhau, nhưng đều trước là Tiểu-sau là Đại.

4) *Bốn mạt vô ngại môn*: Nghĩa là đầu tiên đưa ra thuyết giảng cao nhất soi chiếu núi chúa, trình bày không phải Bốn thì không thể rủ xuống Mạt; sau là hiển bày dòng chảy khác nhau quay về biển rộng, trình bày không phải Mạt thì không thể quay về Bốn. Vì vậy Bốn-Mạt đồng thời chiếu rọi, qua lại làm mất đi, giúp đỡ lẫn nhau, mới trở thành phương tiện khéo léo để thâm nhiếp chúng sinh. Do đó, nói chung gồm có năm phần vị: Một là Căn bản thuộc Nhất thừa, như kinh Hoa Nghiêm. Hai là Mật ý thuộc Tiểu thừa. Ba là Mật ý thuộc Đại thừa. Bốn là hiển bày rõ ràng thuộc Tam thừa. Ba phần vị trên như kinh Giải Thâm Mật. Năm là phá bỏ khác với Nhất thừa, như kinh Pháp Hoa.

Bốn môn trên đây viên thông vô ngại, là bởi vì trước-sau mà không có trước sau, không có trước-sau mà lại trước-sau.

5) *Tùy cơ bất định môn*: Bốn môn trên đây, môn thứ nhất trình bày về ba loại căn cơ từ đầu đến cuối luôn luôn nhất định; môn thứ hai trình bày về năm loại căn cơ khác thời luôn luôn nhất định; môn thứ ba trình bày về một loại căn cơ từ cạn đến sâu; môn thứ tư trình bày về hai loại căn cơ, căn cơ đầu nghe liền tỏ ngộ, căn cơ sau từ cạn đến sâu. Lại có một loại căn cơ không nhất định, hoặc là từ Tiểu thừa tiếp theo tiến vào Tam thừa, sau tiến vào Nhất thừa; cũng có loại từ Tiểu thừa tiến thẳng

vào Nhất thừa; hoặc là nhiều loại căn cứ tùy theo nghe cùng một câu, mà hiểu không giống nhau.

6) *Hiển mật đồng thời môn*: Như nghe khác nhau mà cùng nhận biết là hiển bày về Bất định; nếu không nhận biết lẫn nhau thì đều là Bí mật. Hiển-Mật đồng thời cũng không có trước-sau.

7) *Nhất thời đốn diễn môn*: Các môn nói trên đây, trong một lúc lập tức thuyết giảng.

8) *Tịch khoan vô ngôn môn*: Từ lúc mới đạt được Đạo cho đến lúc nhập Niết-bàn, không thuyết giảng một câu.

9) *Cai thông tam tế môn*: Các môn trên đây đều nối thông với ba thời gian.

10) *Trùng trùng vô tận môn*: Chín môn trên đây, bất cứ nơi nào-bất cứ lúc nào cũng trùng trùng vô tận, đều không có trước-sau. Hai môn sau cuối, chính là cảnh giới của Hoa Nghiêm, dung hòa đạt được tám môn trước, cũng không lìa xa Dụng của Hoa Nghiêm.

**Thứ ba**: Phạm vi giới hạn của nghĩa lý: Đã nhận biết kinh này cuối cùng thuộc về Viên giáo, mà chưa biết về phạm vi giới hạn của nghĩa lý Viên giáo ấy thế nào. Nhưng mà biển của giáo này sâu rộng bao hàm không có gì ở ngoài, Sắc-Không chiếu rọi lẫn nhau, Đức-Dụng trùng trùng vô tận. Nói về sự thu nhận theo chiều ngang (Không gian) thì thu nhận toàn bộ năm giáo, cho đến trời-người, chung quy là tất cả đều bao gồm, mới hiển bày về sâu rộng. Điều ấy giống như trăm sông không thấu nhiếp biển rộng, mà biển rộng chắc chắn thấu nhiếp trăm sông, tuy thấu nhiếp trăm sông nhưng cùng chung một vị mặn, vì vậy hễ một giọt nước biển đã khác xa với trăm sông. Bốn giáo trước không thấu nhiếp đối với Viên giáo, mà Viên giáo chắc chắn thấu nhiếp bốn giáo, tuy thấu nhiếp đối với bốn giáo, nhưng dùng Viên giáo để nối liền, vì vậy mười thiện-năm giới cũng do Viên giáo thấu nhiếp. Ba-bốn hãy còn không phải, huống là một-hai hay sao? Đây là có những nối thông mà không có những giới hạn, cho nên Viên giáo này, nói mở rộng thì trình bày về Vô lượng thừa, nói sâu xa thì chỉ hiển bày về Nhất thừa.

Nhất thừa có hai: Một. Nhất thừa thuộc Đồng giáo, bởi vì cùng là Đốn-cùng là Thật; Hai. Nhất thừa thuộc Biệt giáo, vốn chỉ có viên dung đầy đủ đức, bởi vì Biệt bao gồm Đồng, đều do Viên giáo thấu nhiếp.

Nay hiển bày về Biệt giáo thuộc Nhất thừa, sơ lược hiển bày về bốn môn: Một. Trình bày về sự của Thể làm chỗ dựa; Hai. Thấu nhiếp đưa về chân thật; Ba. Làm sáng tỏ về vô ngại; Bốn. Hàm chứa thu nhận rộng khắp. Mỗi một môn đều có mười môn, để hiển bày về vô tận.



Một: Trình bày về sự của Thể làm chỗ dựa, mười môn: 1. Giáo và Nghĩa; 2. Lý và Sự; 3. Cảnh và Trí; 4. Hành và Vị; 5. Nhân và Quả; 6. Y và Chánh; 7. Thể và Dụng; 8. Người và Pháp; 9. Nghịch và Thuận; 10. Ứng và Cảm.

Giáo tức là chủ động giải thích (Năng thuyết), chính là năm giáo trước đây, cho đến ánh sáng, hương thơm... Nghĩa tức là thụ động giải thích (Sở thuyết), tức là tất cả nghĩa lý như năm giáo... Lý tức là những Lý như do Sinh Không mà hiển bày, do hai Không mà hiển bày về Vô Tánh-Chân Như... Sự tức là những Sự như Sắc-Tâm-Thân-Phương... Phần còn lại có thể dựa theo suy nghĩ.

Hai: Thâu nhiếp đưa về chân thật: Tức là Chân Không, bật dứt hình tướng. Kinh nói:

*“Pháp tánh vốn rỗng rang vắng lặng,  
Không chọn lấy cũng không nhìn thấy,  
Tánh rỗng rang ấy tức là Phật,  
Không thể nào suy xét luận bàn.”*

Cũng có mười nghĩa, như Quán Pháp Giới.

Ba: Làm sáng tỏ về vô ngại: Nhưng mười cặp trên đây thấy đều vô ngại, nay lại dựa theo Sự-Lý để hiển bày về vô ngại, cũng có mười môn:

1) Môn về Lý khắp nơi Sự: Nghĩa là Lý không có phạm vi giới hạn, có đầy đủ khắp nơi trong phạm vi giới hạn của Sự, cho nên mỗi một mảy trần đều trọn vẹn đầy đủ Lý.

2) Môn về Sự khắp nơi Lý: Nghĩa là Sự có phạm vi, hoàn toàn giống như Lý không có phạm vi, cho nên một hạt bụi cũng khắp nơi pháp giới.

Bởi vì hai nghĩa trên bao gồm thấu suốt lẫn nhau, cho nên đều cùng chung một tánh. Vì vậy, phẩm Xuất Hiện nói: “Lúc Đức Như Lai thành tựu Chánh giác, ở trong thân ấy, nhìn thấy tất cả chúng sinh đều thành tựu Chánh giác, cho đến nhìn thấy tất cả chúng sinh đều nhập Niết-bàn, đều cùng chung một tánh, đó gọi là Vô tánh.” Lý khắp nơi Sự, cho nên một thành tựu thì tất cả thành tựu; Sự khắp nơi giống như Lý, cho nên nói cũng không có gì thành tựu. Kinh nói: “Ví như hư không, không có thành-không có hoại, một tánh-vô tánh, tức là Phật tánh.” Vì vậy, kinh Niết Bàn nói: “Phật tánh gọi là Đệ nhất nghĩa Không, Đệ nhất nghĩa Không gọi là trí tuệ.” Lại phẩm Xuất Hiện nói: “Không có một chúng sinh nào không đầy đủ trí tuệ của Như Lai, tất cả đều có, tức là nghĩa của Nhất thừa.”

3) *Môn về dựa vào Lý thành tựu Sự*: Nghĩa là Sự không có Thể riêng biệt, phải nhờ vào Lý mà thành tựu, như khuấy nước thành sóng. Trong đó lại có hai:

a) Trình bày về phạm vi vốn có chỉ là Thức biến đổi. Kệ của Bồ-tát Giác Lâm nói:

*“Tâm như người thợ vẽ khéo léo,  
Có thể vẽ ra các thế gian,  
Năm ấm đều thuận theo sinh ra,  
Không có pháp nào mà không tạo.”*

Đây là trình bày nghĩa về chỉ do tâm. Vì sao có thể nhận biết là phạm vi vốn có? Tiếp theo tụng rằng:

*“Giống như tâm-Phật cũng như vậy,  
Giống như Phật-chúng sinh như vậy,  
Nên biết rằng Phật cùng với tâm,  
Thể tánh đều không có tận cùng.”*

Đã là tâm tức Phật, thì rõ ràng không phải chỉ có vọng tâm mà thôi.

b) Trình bày về Chân Như tùy duyên mà thành tựu. Trong phẩm Vấn Minh: “Vấn Thủ chất vấn rằng: Tâm tánh là một, vì sao thấy có đủ loại sai biệt?” Tức là chất vấn về tánh của duyên trái với nhau. Giác Thủ đáp rằng: “Tánh của pháp vốn không sinh ra, chỉ ra rõ ràng mà có sinh.” Tức là đáp về Chân Như tùy duyên. Lại nói: “Các pháp không hề có tác dụng, lại cũng không hề có Thể tánh.” Trình bày về tùy duyên nhưng không mất tự tánh, tức là giống như kinh Thắng Man, dựa vào Như Lai Tạng mà có sinh tử, dựa vào Như Lai Tạng mà có Niết-bàn...

4) *Môn về Sự có thể hiển bày Lý*: Nghĩa là do nắm lấy Sự mà thành tựu Lý, Sự hư giả mà Lý chân thật. Y tha vô tánh tức là Viên thành, như tướng của sóng không có khiến cho nước hiện bày. Trong phẩm Dạ Ma, kệ nói:

*“Vì sao lại nói đến các Uẩn,  
Các Uẩn lại vốn có tánh gì?  
Tánh Uẩn không thể nào diệt đi,  
Vì thế cho nên nói vô sinh.  
Phân biệt đối với các Uẩn này,  
Tánh ấy vốn rỗng rang vắng lặng,  
Vì Không cho nên không thể diệt,  
Đây chính là nghĩa về vô sinh.  
Tất cả chúng sinh đã như vậy,*

*Hết thấy chư Phật cũng như vậy,  
Phật và các pháp của chư Phật,  
Tự tánh không có gì vốn có.”*

Lại trong phẩm Thập Nhãn nói: “Ví như tiếng vang trong hang trống, vốn khởi lên từ duyên, mà cùng với pháp tánh không có gì trái ngược nhau.” Trong phẩm Tu-di Đảnh kệ nói:

*“Biết rõ ràng tất cả các pháp,  
Tự tánh không có gì vốn có.”*

Những văn như vậy có khắp nơi chín Hội.

5) *Môn về dùng Lý làm mất đi Sự*: Nghĩa là Sự đã đầy đủ Lý thì Sự mất hết không còn lại gì, như nước làm mất đi sóng thì tướng của sóng hoàn toàn không còn, cho nên nói chúng sinh-Phật không tăng-không giảm. Trong phẩm Xuất Hiện nói: “Ví như hư không, tất cả thế giới hoặc là thành hay là hoại, mà luôn luôn không có tăng giảm. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì hư không vô sinh. Bồ-đề của chư Phật cũng lại như vậy, hoặc là thành Chánh giác, hay là không thành Chánh giác, cũng không có tăng giảm. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì Bồ-đề vô tướng.” Cho đến nói: “Giả sử tất cả chúng sinh, ở trong một niệm đều thành tựu Chánh giác, cùng với không thành tựu Chánh giác cũng không có khác nhau, đều bởi vì bình đẳng vô tướng.” Kinh Bất Tăng Bất Giảm cũng giống như ở đây nói, không phải dựa theo một phần chúng sinh không thành Phật, nói là không có tăng giảm mà thôi.

6) *Môn về Sự có thể ẩn kín Lý*: Nghĩa là chân lý tùy duyên mà thành tựu sự pháp, liền khiến cho Sự hiển bày mà Lý không hiện rõ; như nước thành sóng thì động hiển bày mà tĩnh ẩn kín. Vì vậy Pháp thân lưu chuyển ở năm nẻo, gọi là chúng sinh. Kệ của Tài Thủ nói:

*“Ngôn thuyết vốn có ở thế gian,  
Tất cả đều là do phân biệt,  
Chưa từng có dù một pháp nào,  
Có thể hòa nhập với pháp tánh...”*

7) *Môn về chân lý ngay nơi Sự*: Nghĩa là tất cả chân lý chắc chắn không phải ở ngoài Sự, bởi vì Lý là pháp Vô ngã, Không tức là Sắc cho nên Lý tức là Sự, mới là chân lý. Hồi Hương thứ bảy nói: “Bởi vì pháp tánh không trái với pháp tướng...”

8) *Môn về Sự pháp ngay nơi Lý*: Nghĩa là duyên tích tập chắc chắn không có tự tánh, bởi vì tất cả Thể tức là Chân.

Hai môn trên đây, chính thức trình bày về nghĩa của hai Đế không trái với nhau, như ướn không trái với sóng, sóng không trái với ướn, bởi

vì tất cả Thể ngay trong nhau. Trong phẩm Dạ Ma, kệ nói:

*“Như vàng cùng với sắc của vàng,  
Tánh ấy không có gì sai biệt,  
Pháp-không phải pháp cũng như vậy,  
Thể tánh không có gì khác nhau.”*

Đây cũng là dụ cho Như Lai Tạng cùng với A-lại-da, lần lượt chuyển tiếp không có gì sai khác. Lại bởi vì Sự ngay nơi Lý, cho nên tuy có mà không Thường; bởi vì Lý ngay nơi Sự, cho nên tuy Không mà không Đoạn. Lại bởi vì Sự-Lý ngay trong nhau, cho nên Khởi-Diệt cùng lúc... Trong phẩm Tu-di, kệ nói:

*“Tất cả công hạnh của phàm phu,  
Không có gì không mau hết đi,  
Bởi vì tánh ấy như hư không,  
Cho nên nói không có tận cùng.  
Người trí nói không có tận cùng,  
Điều này cũng không hề nói gì,  
Bởi vì tự tánh không tận cùng,  
Có thể có khó mà suy nghĩ...”*

Bởi vì bốn tướng đồng thời không đợi đến sau không có, cũng làm cho Đoạn đến cuối cùng, chứng được lìa xa đối với chủ động-thụ động, trong phẩm Thập Địa nói:

*“Không phải đầu-không phải giữa-sau,  
Không phải ngôn từ mà đạt đến.”*

Trong phẩm Hồi Hương nói: “Không có Như ngoài Trí, bởi vì Trí mà tiến vào, cũng không có Trí ngoài Như, chủ động chứng đối với Như...”

9) Môn về chân lý không phải Sự: Ngay nơi Vọng là Chân, bởi vì khác với Vọng; như ẩm ướt không phải là động.

10) Môn về Sự pháp không phải Lý: Ngay nơi Chân là Vọng, bởi vì khác với Chân, như động không phải là ẩm ướt. Kệ của Tàm Quý Lâm nói:

*“Như Sắc cùng với không phải Sắc,  
Hai pháp này không làm thành một.”*

Lại nói:

*“Giống như tướng cùng với vô tướng,  
Như vậy sinh tử và Niết-bàn,  
Phân biệt tất cả không giống nhau...”*

Trên đây, hai môn 7-8 là trình bày về Sự-Lý không phải khác

nhau, hai môn 9-10 là trình bày về Sự-Lý không phải một, bởi vì hữu vi-vô vi, không phải một-không phải khác nhau. Hồi Hưởng thứ tư nói: “Đối với cảnh giới hữu vi nêu ra pháp vô vi, mà không diệt hoại tướng của hữu vi; đối với cảnh giới vô vi nêu ra pháp hữu vi, mà không phân biệt tánh của hữu vi.” Mười Sự trên đây, cùng một duyên khởi, cho nên nói là vô ngại. Dựa theo Lý hướng về Sự, thì có thành-có hoại, có ngay trong nhau, có tách lìa nhau; Sự hướng về với Lý, có ẩn kín, có hiển bày, có một-có khác. Nghịch-thuận tự tại, không có gì chướng ngại, đồng thời lập tức khởi lên, suy nghĩ sâu xa khiến cho quán hiện bày rõ ràng, mà thành tựu quán về Lý-Sự viên dung vô ngại.

Bốn: Hàm chứa thu nhận rộng khắp: Tức là Sự Sự vô ngại, tạm thời dựa vào Cổ đức, hiển bày về mười Huyền môn. Trong đó vẫn có hai: Trước là chính thức phân rõ về Huyền môn; sau là trình bày về nguyên do.

Phần trước là chính thức phân rõ về Huyền môn: 1. Đồng thời cụ túc tương ứng môn; 2. Quảng hiệp tự tại vô ngại môn; 3. Nhất đa tương dung bất đồng môn; 4. Chư pháp tương tức tự tại môn; 5. Bí mật ẩn hiển câu thành môn; 6. Vi tế tương dung an lập môn; 7. Nhân đà la võng cảnh giới môn; 8. Thác sự hiển pháp sinh giải môn; 9. Thập thế cách pháp dị thành môn; 10. Chủ bạn viên minh cụ đức môn.

Mười môn này cùng một duyên khởi viên dung vô ngại, tùy theo một môn ấy thì đầy đủ tất cả. Nay lại ở trong mười môn trước đây, chọn lấy một môn về Sự pháp để trình bày đầy đủ về mười môn sau. Như trong văn sau:

Một: Một cánh hoa sen hoặc một vi trần, thì có đủ mười cặp như Giáo-Nghĩa...; đồng thời tương ứng cụ túc viên mãn, cũng có đủ chín môn sau, và trong môn ấy vốn có đủ Giáo-Nghĩa... bởi vì là tổng quát, cho nên văn sau nói: Biển vô tận của tất cả các pháp môn, cùng hội tụ trong đạo tràng của một pháp. Trong phẩm Hoa Tạng, tụng rằng:

*“Vi trần vốn có trong thế giới Hoa Tạng,  
Trong mỗi một vi trần nhìn thấy pháp giới.”*

Một vi trần hãy còn có đủ, huống là một cánh hoa hay sao?

Hai: Ngay nơi cánh hoa ấy rộng khắp pháp giới, mà không hủy hoại phần vị vốn có, bởi vì phạm vi tức là không có phạm vi, không có phạm vi tức là phạm vi, rộng hẹp tự tại không có gì chướng ngại. Trong phẩm Thập Định nói: “Có một đóa hoa sen phủ hết phạm vi mười phương, mà bên ngoài có thể nhìn thấy không trở ngại.” Vì thế cho nên hoặc chỉ rộng lớn không ranh giới, hoặc phạm vi giới hạn rõ ràng, hoặc

ngay nơi rộng lớn-ngay nơi hạn hẹp, hoặc rộng lớn-hạn hẹp cùng mất đi, hoặc có đủ bốn loại trước, bởi vì là cảnh của Giải. Hoặc bắt dứt năm loại trước, bởi vì là cảnh của Hành. Sau đều dựa theo đây. Nhưng mà rộng lớn-hạn hẹp này cũng gọi là nghĩa về thuận-tạp, bởi vì rộng khắp pháp giới, thuận nhất chứ không có hai, không hủy hoại phần vị vốn có, thì không trở ngại đối với tạp, vạn hạnh ví dụ như vậy.

Ba: Ngay nơi cánh hoa này xoe ra đã hòa vào khắp nơi trong tất cả các pháp, tức là thâm nhiếp tất cả, khiến cho hòa vào trong mình. Xoe ra-thâm nhiếp cùng lúc, đã không có gì chướng ngại, vì thế cho nên dung hòa trọn vẹn. Hoặc có bốn câu-sáu câu phân biệt, hãy suy nghĩ! Văn sau nói: Bởi vì một cõi Phật đầy khắp mười phương, mười phương hòa vào một cũng không sót lại gì. Nếu một cùng với tất cả so sánh để phân rõ, thì thâm nhiếp-hòa vào đều có đủ bốn câu phân biệt, đó là một hòa vào tất cả, tất cả hòa vào một, một hòa vào một, tất cả hòa vào tất cả; thâm nhiếp lẫn nhau cũng như vậy.

Bốn: Một cánh hoa này rời bỏ mình để hòa chung với pháp khác, nêu ra Thể hoàn toàn là tất cả pháp ấy, mà luôn luôn thâm nhiếp pháp khác để hòa chung với mình, khiến cho tất cả pháp ấy chính là Thể của mình, một-nhiều ngay trong nhau tự nhiên không có gì chướng ngại. Cảnh của Giải và Hành riêng biệt, sáu câu phân biệt giống như trước. Văn sau nói: Nhận biết một tức là nhiều, nhiều tức là một...”

Năm: Hoa ấy có thể thâm nhiếp những pháp kia là một hiển bày-nhiều ẩn kín, tất cả thâm nhiếp hoa thì một ẩn kín-nhiều hiển bày. Hiển bày và hiển bày không đi cùng, ẩn kín và ẩn kín không song song, ẩn kín và hiển bày-hiển bày và ẩn kín cùng lúc vô ngại. Hoàn toàn và thâm nhiếp cùng phai mờ, giữ lại và mất đi cùng thành tựu, số câu giống như trước. Văn sau nói: Phương Đông tiến vào Chánh thọ, phương Tây từ Định đứng lên..., như trăng mờng tám ẩn kín-hiển bày cùng lúc.

Sáu: Những quốc độ vi tế trong cánh hoa này, tất cả các pháp rõ ràng hiện bày như nhau. Văn sau nói: Tất cả các quốc độ, đều an trú rộng rãi, ở trong một mảy trần; lại ở nơi một mảy lông, có Bất khả thuyết các Đức Như Lai. Đến trong Hồi Hương Vi Tế thứ chín sẽ giải thích.

Bảy: Trong mỗi một vi trần của cánh hoa này đều hiện rõ vô biên sát hải, trong sát hải lại có vi trần, trong những vi trần ấy lại có sát hải. Như vậy trùng trùng không thể cùng tận, không phải là cảnh giới suy nghĩ của tâm thức. Như lưới giăng châu ngọc che phủ phía trên cung điện của Thiên Đế, trong một hạt châu sáng ngời vạn tượng cùng hiện

rõ, từng hạt châu đều như vậy. Hạt châu này trong sáng hiện rõ hình ảnh lẫn nhau, hình ảnh lại hiện rõ hình ảnh, mà không có cùng tận. Văn sau nói: Như thế giới Nhân-đà-la võng..., cũng như ánh sáng của ngọn đèn và gương soi đan xen trùng trùng, Phật và Phật vô tận.

Tám: Nhìn thấy cánh hoa này, tức là nhìn thấy pháp giới vô tận, không phải là nhờ vào đây mà có biểu hiện khác nhau. Văn sau nói: Những tán hoa này đều từ Vô sinh pháp nhẫn mà khởi lên...

Chín: Ngay nơi một đóa hoa này, đã rộng khắp tất cả mọi nơi, lại cũng bao gồm tất cả mọi lúc. Nghĩa là ba đời đều có ba, thâu nhiếp làm một niệm, cho nên trở thành mười đời. Bởi vì thời gian không có Thể riêng biệt, dựa vào hoa để thiết lập; hoa đã vô ngại, thời gian cũng như vậy. Vì thế, trong Tấn Kinh nói: “Vô lượng kiếp quá khứ, đưa vào vị lai-hiện tại, vô lượng kiếp vị lai, quay lại đưa vào đời quá khứ...” Trong phẩm Phổ Hiền Hạnh nói: “Vị lai trong quá khứ, hiện tại trong vị lai...” Lại nói: “Vô lượng kiếp tức là một niệm, một niệm tức là vô lượng kiếp...” Thời gian không có Thể riêng biệt, cho nên không thiết lập riêng biệt để làm chỗ dựa.

Mười: Viên giáo này, lý của pháp không dấy khởi một mình, nhất định phải thâu nhiếp quyền thuộc thuận theo phát sinh. Văn sau nói: Hoa này đã có hoa như số vi trần của mười thế giới để làm quyền thuộc. Lại như một phương là chủ, mười phương là bạn; các phương còn lại cũng như vậy. Vì thế cho nên chủ và chủ-bạn và bạn đều không nhìn thấy nhau, chủ và bạn-bạn và chủ tròn vẹn sáng ngời đầy đủ đức.

Nêu ra hoa đã như vậy, sự việc của một vi trần... cũng như vậy. Như vậy sự việc của hoa đã có mười nghĩa như Đồng thời..., đầy đủ mười môn này, mà những sự việc này đầy đủ mười môn còn lại như Giáo..., thì trở thành một trăm môn. Sự việc của pháp đã như vậy, Giáo-Nghĩa... còn lại có đủ một trăm môn cũng như vậy, thì trở thành một ngàn môn. Như Giáo-Nghĩa... có một ngàn môn này, trong môn Đồng thời ấy cũng có đủ một trăm môn.

Còn lại các môn như Quảng hiệp... ví dụ như vậy, cũng có một ngàn môn. Nếu trùng trùng chọn lấy thì cũng đến vô tận. Đối với mười môn này, tròn vẹn sáng ngời hiển bày rõ ràng, thì luôn luôn tiến vào cảnh giới trùng trùng của pháp giới.

Phần sau là trình bày về nguyên do của Đức Dụng.

Hỏi: Có nhân duyên nào, làm cho các pháp này có được sự dung hòa vô ngại như vậy?

Đáp: Nhân rộng lớn khó mà trình bày, sơ lược đưa ra mười loại: 1.

Bởi vì chỉ do tâm mà hiện bày; 2. Bởi vì pháp không có tánh nhất định; 3. Bởi vì duyên khởi dựa vào nhau; 4. Bởi vì pháp tánh dung thông; 5. Bởi vì như mộng huyễn; 6. Bởi vì như hình ảnh; 7. Bởi vì nhân vô hạn; 8. Bởi vì Phật chứng đến tận cùng; 9. Bởi vì Dụng của Định sâu xa; 10. Bởi vì thân thông giải thoát.

Trong mười loại này, tùy theo một loại thì có thể khiến cho các pháp ấy dung hòa vô ngại. Trong mười loại, sáu loại trước bao gồm dựa theo pháp tánh làm đức tướng, bởi vì pháp vốn như vậy; hai loại sau đều là nghiệp dụng, nghĩa bao gồm nhân quả; loại thứ bảy dựa theo phát khởi tu tập, nghĩa bao gồm đức tướng và nghiệp dụng; loại thứ tám dựa theo đức của quả, bởi vì chỉ là đức tướng.

Mười môn trước đây, bao gồm đức tướng và nghiệp dụng. Dựa theo Phật thì Dụng cũng là đức tướng, bởi vì Dụng ở trong đức. Dựa theo căn cơ thì Tướng cũng gọi là Dụng, bởi vì khiến cho nhận biết về Tướng. Tướng ngay nơi Dụng, nhiễm-tịnh dung hòa cả hai, Dụng ngay nơi Tướng, có thể là nhiễm, có thể là tịnh. Vì vậy Tướng và Dụng, không phân ra hai loại riêng biệt.

1) *Chỉ do tâm mà hiện bày*: Tất cả các pháp do Chân tâm mà hiện bày, như nước trong biển rộng toàn Thể thành sóng. Bởi vì tất cả các pháp đều là một tâm, các tướng lớn-nhỏ... tùy theo tâm xoay chuyển, ngay trong nhau-hòa vào nhau vô ngại.

2) *Pháp không có tánh nhất định*: Đã chỉ do tâm mà hiện bày, thuận theo duyên mà sinh, không có tánh nhất định, tánh-tướng đều lìa xa. Tiểu không phải Tiểu nhất định, cho nên có thể tiếp nhận hư không thế giới mà có dư, bởi vì giống như không có gì ở ngoài Đại. Đại không phải Đại nhất định, cho nên có thể tiến vào mảy trần mà không gián đoạn, bởi vì giống như không có gì ở trong Tiểu. Đây là mảy trần giống như hư không thế giới, hàm chứa quốc độ rộng lớn như mảy trần, có gì khó chằng? Trong phẩm Thập Trú của bản kinh xưa nói: “Núi Kim Cang Vi số nhiều đến vô lượng, đều có thể xếp gọn đầu một mảy lông, cần phải biết rất lớn cũng có tướng nhỏ, Bồ-tát vì vậy mà bắt đầu phát tâm.” Một không nhất định là một, cho nên có thể là tất cả. Nhiều không nhất định là nhiều, cho nên có thể là một. Bên cạnh không nhất định là bên cạnh, cho nên có thể ngay ở giữa. Ở giữa không nhất định là ở giữa, cho nên có thể ngay bên cạnh. Kéo dài-rút ngắn, yên lặng-hỗn loạn..., mỗi một loại đều như vậy.

3) *Duyên khởi dựa vào nhau*: Nghĩa là trong pháp giới rộng lớn, duyên khởi của pháp hải có vô lượng nghĩa môn. Dựa theo tông chỉ của



Viên giáo, sơ lược đưa ra mười môn, để giải thích về nghĩa trước đây, nghĩa là pháp duyên khởi cần phải đầy đủ mười nghĩa này thì duyên mới dấy khởi, thiếu sót thì không thành tựu.

Một: Nghĩa về các duyên đều khác nhau: Nghĩa là trong Đại duyên khởi, các duyên hướng về với nhau, Thể-Dụng cần phải khác nhau, không tạp loạn với nhau, mới thành tựu duyên khởi. Nếu tạp loạn thì mất đi pháp của duyên vốn có, duyên khởi không thành tựu. Đây là tất cả các duyên đều giữ lấy một phần vị của mình. Văn nói: Trong nhiều không có một tánh, một cũng không có nhiều tánh.

Hai: Nghĩa về giúp đỡ lẫn nhau khắp nơi: Nghĩa là các duyên này cần phải thích hợp lẫn nhau khắp nơi mới thành tựu duyên khởi, như một duyên thích hợp với nhiều duyên khắp nơi, đều cùng với nhiều duyên ấy hoàn toàn làm thành một duyên, một duyên này là đầy đủ nhiều cái một riêng biệt. Nếu một duyên này không đầy đủ nhiều cái một riêng biệt, thì giúp đỡ-thích hợp không khắp nơi, không thành tựu duyên khởi, đây là mỗi một duyên riêng biệt đều đầy đủ tất cả. Văn sau nói: Biết bởi vì một cho nên nhiều, biết bởi vì nhiều cho nên một.

Ba: Nghĩa về cùng tồn tại vô ngại: Nghĩa là tất cả một duyên, cần phải đầy đủ hai nghĩa trước, mới thành tựu duyên khởi. Bởi vì cần phải trú vào một của mình, mới có thể thích hợp khắp nơi, thích hợp khắp nơi nhiều duyên, mới chính là một, vì thế cho nên chỉ có một. Nhiều cái một riêng biệt tự tại, dung hòa vô ngại, có sáu câu phân biệt của nó: 1. Hoặc đưa ra tất cả Thể trú vào đầy đủ, là chỉ có một; 2. Hoặc đưa ra Thể thích hợp khắp nơi, là nhiều cái một riêng biệt; 3. Hoặc cùng tồn tại; 4. Hoặc phai mờ cả hai; 5. Hoặc toàn bộ hợp lại; 6. Hoặc toàn bộ tách lìa. Suy nghĩ có thể thấy. Văn nói: Các pháp không hề có chỗ dựa, chỉ thuận theo hòa hợp khởi lên.

Ba môn trên đây, tổng quát trình bày về pháp vốn có của duyên khởi, xong.

Bốn: Nghĩa về Thể khác nhau mà hòa vào nhau: Nghĩa là lực dụng của các môn theo thứ tự nương tựa-duy trì lẫn nhau, so sánh làm mất đi lẫn nhau, đều có nghĩa về hoàn toàn có lực-hoàn toàn không có lực, duyên khởi mới thành tựu. Như luận nói: Nhân không sinh mà duyên sinh, duyên không sinh mà tự nhân sinh. Nếu tất cả các duyên chỉ có lực, không có duyên nào không có lực, thì có lỗi về nhiều quả, bởi vì mỗi một duyên đều sinh ra. Nếu tất cả các duyên chỉ là không có lực, không có duyên nào có lực, thì có lỗi về không có quả, bởi vì như nhau không phải duyên cho nên đều không sinh ra. Vì vậy duyên khởi cần

phải dựa vào lẫn nhau, đầy đủ duyên có lực-không có lực, nếu như thiếu đi một duyên thì tất cả không thành tựu. Còn lại cũng như vậy. Vì vậy, một duyên có thể duy trì nhiều duyên, một duyên là có lực có thể duy trì đối với nhiều duyên; nhiều duyên dựa vào một duyên, nhiều duyên là không có lực, âm thầm hòa vào trong một duyên. Bởi vì một duyên có lực, nhất định không đi cùng với nhiều duyên có lực, cho nên không có một duyên nào mà không thâm nhập nhiều duyên. Bởi vì nhiều duyên không có lực, nhất định không đi cùng với một duyên không có lực, cho nên không có nhiều duyên nào mà không hòa vào một duyên. Như một duyên duy trì-nhiều duyên dựa vào đã như vậy, nhiều duyên duy trì-một duyên dựa vào cũng như vậy, suy nghĩ ngược lại với trên.

Như một duyên hướng về nhiều duyên có dựa vào-có duy trì, hoàn toàn có lực-không có lực, luôn luôn hàm chứa nhiều duyên ở trong mình, âm thầm hòa vào ở trong nhiều duyên của mình, cùng lúc vô ngại; nhiều duyên hướng về một duyên, nên biết cũng như vậy. Cùng tồn tại-cùng phai mờ, hai câu về vô ngại, suy nghĩ điều này.

Năm: Nghĩa về Thể khác nhau mà ngay trong nhau: Nghĩa là các duyên hướng về với nhau, đầy đủ Thể so sánh làm mất đi, có nghĩa về có Thể-không có Thể thì duyên khởi mới thành tựu. Bởi vì nếu thiếu đi một duyên, thì duyên còn lại không thành tựu phát khởi, nghĩa của duyên bị hủy hoại. Có thể một duyên này, khiến cho tất cả thành tựu phát khởi, đã phát khởi thành tựu, nghĩa của duyên mới thành lập. Vì thế cho nên một duyên là chủ động phát khởi-chủ động thành tựu, bởi vì có Thể; nhiều duyên là thụ động phát khởi-thụ động thành tựu, bởi vì không có Thể. Bởi vì một duyên có Thể không thể nào đi cùng với nhiều duyên có Thể, nhiều duyên không có Thể nhất định không thể nào đi cùng với một duyên không có Thể. Vì thế cho nên không có một duyên nào mà không nhiều duyên, không có nhiều duyên nào mà không một duyên. Một và nhiều đã như vậy, nhiều và một cũng như vậy, suy nghĩ ngược lại với trên.

Như một duyên hướng về nhiều duyên vốn có duyên có Thể-không có Thể, có thể thâm nhập duyên khác giống như mình, phé bỏ mình để giống như duyên khác, cùng lúc vô ngại; nhiều duyên hướng về một duyên, nên biết cũng như vậy, dựa theo trước mà suy nghĩ. Cùng tồn tại-cùng phai mờ, hai câu về vô ngại, cũng suy nghĩ có thể thấy rõ.

Sáu: Nghĩa về Thể-Dụng cùng dung hòa: Nghĩa là pháp của các duyên, cần phải có lực dụng liên quan với nhau, toàn Thể dung thông hòa hợp, mới thành tựu duyên khởi. Vì thế cho nên viên thông cũng có

sáu câu phân biệt: 1. Bởi vì Thể đều là Dụng, nêu ra Thể đầy đủ Dụng thì chỉ có nghĩa hòa vào nhau, không có nghĩa ngay trong nhau. 2. Bởi vì Dụng đều là Thể, nêu ra Dụng đầy đủ Thể thì chỉ có nghĩa ngay trong nhau, không có nghĩa hòa vào nhau. 3. Dụng đưa về Thể mà không ngăn ngại Dụng, Thể đầy đủ Dụng mà không mất đi Thể, vậy thì vô ngại mà cùng tồn tại, cũng hòa vào nhau-cũng ngay trong nhau tự tại cùng hiện bày. 4. Thể đầy đủ Dụng thì Thể phai mờ, Dụng đầy đủ Thể thì Dụng không còn, không phải ngay trong nhau, không phải hòa vào nhau, viên dung một vị. 5. Hợp lại bốn câu trước, cùng một duyên khởi, cùng tồn tại vô ngại. 6. Phai mờ năm câu trước, bắt dứt đối đãi, lia xa ngôn từ, sâu xa giống như tánh hải.

Ba môn trên đây, hiển bày về nghĩa lý của Thể khác nhau ở trong môn thứ nhất, xong.

Bảy: Nghĩa về cùng Thể hòa vào nhau: Nghĩa là một duyên trước đây, vốn có nhiều-một mà Thể không có gì khác với một duyên ấy, gọi là Thể giống nhau. Lại bởi vì một duyên này thích hợp với nhiều duyên, mà có nhiều-một này. Thích hợp với nhiều duyên đã ngay trong nhau-hòa vào nhau, khiến cho nhiều-một này cũng có ngay trong nhau, hòa vào nhau. Trước là trình bày về ngay trong nhau, nghĩa là một duyên có lực thì có thể duy trì nhiều-một, nhiều-một không có lực lại dựa vào một duyên ấy, vì thế cho nên một duyên có thể thâm nhiếp nhiều duyên, nhiều duyên vẫn hòa vào một duyên. Một duyên hòa vào, nhiều duyên thâm nhiếp, ngược lại với trên, nên biết! Nghĩa còn lại-câu còn lại, dựa theo trước suy nghĩ.

Tám: Nghĩa về cùng Thể ngay trong nhau: Nghĩa là một duyên trước đây có đủ nhiều-một, cũng có nghĩa về có Thể-không có Thể, cho nên cũng ngay trong nhau. Bởi vì nhiều-một không có Thể, dựa vào một duyên ban đầu trở thành nhiều ngay trong một. Bởi vì một duyên ban đầu có Thể, có thể dấy lên nhiều-một, khiến cho một thâm nhiếp nhiều. Như một có-nhiều không đã như vậy, nhiều có-một không cũng như vậy. Nghĩa còn lại-câu còn lại, đều dựa theo trước suy nghĩ.

Chín: Nghĩa về cùng dung thông vô ngại: Nghĩa là cũng giống như Thể-Dụng cùng dung hòa trước đây, ngay trong nhau-hòa vào nhau tự tại, cũng có sáu câu phân biệt, dựa theo trước nên biết!

Ba môn trên đây, phân rõ về nghĩa lý của Thể giống nhau ở trong môn thứ hai trước đây, xong.

Mười: Nghĩa về giống nhau-khác nhau viên mãn: Nghĩa là bởi vì chín môn trước đây tổng hợp làm thành một Đại duyên khởi, khiến cho

nhiều loại nghĩa môn đồng thời đầy đủ.

Bởi vì trú vào một mà thích hợp khắp nơi, cho nên có môn Quảng hiệp tự tại. Bởi vì dựa vào Thể-dựa vào Dụng, cho nên có môn Tương tức tương nhập. Bởi vì Thể khác nhau mà dung nạp nhau, cho nên có môn Vi tế; Thể khác nhau mà ngay trong nhau, cho nên có môn Ẩn hiển. Lại dựa vào Dụng hòa vào nhau là Hiển, khiến cho dựa vào Thể ngay trong nhau là Ẩn; ngay nơi Hiển-hòa vào Ẩn cũng như vậy. Lại bởi vì môn khác nhau, ngay trong nhau, hòa vào nhau là Hiển; khiến cho Thể giống nhau, ngay trong nhau, hòa vào nhau là Ẩn; giống nhau hiển bày-khác nhau ẩn kín cũng như vậy. Lại bởi vì Thể khác nhau hòa vào nhau, kèm theo Thể giống nhau hòa vào nhau, cho nên có môn Đế vông. Bởi vì Đại duyên khởi này tức là pháp giới vô ngại, cho nên có môn Thác sự hiển pháp. Hiển bày ở trong thời gian, cho nên có môn Thập thế. Liên quan với nhau-thâu nhiếp lẫn nhau, cho nên có môn Chủ bạn.

Một môn viên mãn thứ mười này, dựa vào trong môn thứ ba trước đây để phân rõ về nghĩa lý, cho nên văn sau nói: Bồ-tát khéo léo quán về pháp duyên khởi, ở trong một pháp hiểu rõ rất nhiều pháp, trong rất nhiều pháp hiểu rõ ràng một pháp. Lại nói: Trong một pháp hiểu rõ vô lượng pháp, trong vô lượng pháp hiểu rõ một pháp, hiểu rõ pháp ấy sinh khởi lẫn nhau, nên thành tựu không có gì sợ hãi..., đều là nghĩa ấy.

Trên đây là môn Duyên khởi dựa vào nhau, xong.

4) *Pháp tánh dung thông*: Nghĩa là nếu chỉ dựa theo Sự thì ngăn ngại lẫn nhau, không thể nào ngay trong nhau-hòa vào nhau; nếu chỉ dựa theo Lý thì chỉ là một vị, không thể nào ngay trong nhau-hòa vào nhau. Nay thì Lý-Sự dung thông đầy đủ vô ngại ấy, nghĩa là một Sự không khác với Lý, thâu nhiếp đầy đủ thời gian-lý tánh, khiến cho nhiều Sự không khác với Lý ấy, tùy theo Lý đã dựa vào đều hiện rõ ở trong một. Nếu trong một thâu nhiếp Lý không hết, thì lỗi về chân lý có phạm vi giới hạn; nếu trong một thâu nhiếp hết Lý, nhiều Sự không tùy theo Lý hiện rõ, thì lỗi về Sự ở ngoài Lý. Nay trong một Sự đã hoàn toàn thâu nhiếp hết Lý, thì lẽ nào nhiều Sự không hiện rõ trong một? Phẩm Hoa Tạng nói: “Tất cả vi trần ở thế giới Hoa Tạng, trong mỗi một vi trần nhìn thấy pháp giới.” Pháp giới tức là Sự pháp giới, đây chính là ý tổng quát. Riêng biệt cũng đầy đủ mười Huyền môn:

Một: Đã là chân lý mà cùng tương ứng với tất cả các pháp, thâu nhiếp Lý trọn vẹn, tức là các môn-các pháp đồng thời đầy đủ.

Hai: Sự đã như Lý có thể bao gồm, cũng như Lý rộng khắp mọi

nơi, mà tướng hạn hẹp không hư hoại, cho nên có môn Quảng hiệp thuần tạp vô ngại. Lại tánh luôn luôn bình đẳng cho nên Thuần, thâm nhiếp tất cả các pháp cho nên Tạp.

Ba: Lý đã rộng khắp ở tất cả nhiều Sự, khiến cho một Sự tùy theo Lý rộng khắp trong tất cả, Lý rộng khắp đầy đủ ở một Sự, thì tất cả tùy theo Lý ở trong một Sự, cho nên có môn Nhất đa tương dung.

Bốn: Chân lý đã không tách rời các pháp, thì một Sự tức là chân lý, chân lý tức là tất cả các Sự. Vì vậy một này tức là tất cả các Sự kia, tất cả tức là một, ngược lại với trên có thể biết, cho nên có môn Tương tức tự tại.

Năm: Bởi vì chân lý thuộc về Sự đều hoàn toàn không phải phạm vi, lúc đang ở nơi này mà thuyết giảng ở nơi kia là ẩn, lúc đang ở nơi kia mà thuyết giảng nơi này tức là ẩn, cho nên có môn Ẩn hiển.

Sáu: Chân lý đã thâm nhiếp rộng khắp các pháp, kèm theo Sự có thể dựa vào đó, sắp xếp ở trong một, cho nên có môn Vi tế.

Bảy: Nơi này thâm nhiếp đầy đủ Lý, cho nên có thể hiện rõ tất cả; nơi kia thâm nhiếp đầy đủ Lý, giống như nơi này lập tức hiện rõ. Lúc nơi này hiện rõ nơi kia, chủ động hiện rõ-thụ động hiện rõ nơi kia đều hiện rõ trong nơi này; lúc nơi kia hiện rõ nơi này, chủ động hiện rõ-thụ động hiện rõ nơi này cũng hiện rõ trong nơi kia. Trùng trùng vô tận như vậy, cho nên có môn Đế vông, bởi vì Chân Như suy cho cùng vốn là vô tận.

Tám: Ngay nơi Sự giống như Lý, tùy theo nêu ra một Sự tức là pháp môn chân thật, cho nên có môn Thác sự.

Chín: Bởi vì Chân Như có khắp ở tất cả thời gian, đêm ngày-tháng năm-đời kiếp đều có mặt đầy đủ, ở thời gian của ngày không khác với thời gian của kiếp, cho nên có môn Thập thế dị thành. Hướng là thời gian dựa vào pháp mà có, lẽ nào pháp dung thông mà thời gian không dung thông hay sao?

Mười: Sự này ngay nơi Lý, thời gian không ngăn ngại mà luôn luôn tương ứng với tất cả các pháp khác, cho nên có môn Chủ bạn. Vì vậy một Lý dung thông tất cả mười môn.

5) *Như mộng huyễn*: Giống như nhà ảo thuật, có thể từ một vật mà biến hóa kỳ ảo làm đủ loại biến hóa kỳ ảo, đủ loại vật mà làm một vật... Kinh nói: “Hoặc ngay trong chốc lát làm thành trăm năm..., tất cả các pháp do nghiệp huyễn mà dấy lên, cho nên một-khác vô ngại.” Nói như mộng, là như trong giấc mộng đã nhìn thấy rộng lớn, mà đầu chưa rời khỏi trên chiếc gối; trải qua thời gian lâu dài mà chưa qua trong chốc lát. Vì vậy luận nói: Ở trong mộng cho là trải qua một năm, tỉnh mộng



rồi chỉ là trong khoảnh khắc, cho nên thời gian tuy vô lượng mà thâm nhiếp trong một sát-na.

6) *Như hình ảnh*: Tất cả vạn pháp, tóm lược có hai nghĩa: a) Bởi vì đều như gương sáng hàm chứa rõ ràng, cho nên tánh do một tâm mà thành; b) Bởi vì phân biệt mà hiện bày, cho nên giống như hình ảnh. Do nghĩa đầu vốn là chủ động hiện bày, do nghĩa sau vốn là thụ động hiện bày, cho nên tất cả các pháp cùng làm hình ảnh trong gương, như gương soi chiếu lẫn nhau, mà không hủy hoại tướng vốn có. Văn sau kinh nói: “Vật ở xa-vật ở gần, tuy đều hiện rõ hình ảnh, hình ảnh không tùy theo vật, mà có xa gần...”

7) *Nhân vô hạn*: Nghĩa là chư Phật Bồ-tát xưa ở trong nhân, thường xuyên tu tập những pháp quán về duyên khởi vô tánh, hồi hướng về những Đại nguyện, tu tập xứng với pháp giới, cùng với vô lượng nhân thù thắng khác, cho nên nay thích hợp đã khởi lên quả đầy đủ vô ngại này.

8) *Phật chứng đến tận cùng*: Do chân tánh sâu xa đạt được Dụng giống như tánh, cho nên kinh nói: “Công đức không gì sánh được cho nên có thể như vậy.”

9) *Dụng của Định sâu xa*: Nghĩa là bởi vì lực của các Tam-muội như Định Hải Ấn... Trong phẩm Hiền Thủ nói: “Tiến vào các Tam-muội như số vi trần, mỗi một Tam-muội sinh ra Định như số vi trần, mà vi trần ấy cũng không tăng thêm...”

10) *Thần thông giải thoát*: Nghĩa là nhờ vào mười Thông và Giải thoát Bất tư nghị... Trong phẩm Bất Tư Nghị Pháp, nói về mười loại Giải thoát: “Ở trong một trần kiến lập về pháp của tất cả chư Phật ba đời.”

Nhờ vào mười nhân trên đây, khiến cho mười cặp như Giáo-Nghĩa... trước đây, đầy đủ mười môn như Đồng thời... trước đây, lấy làm phạm vi giới hạn của nghĩa lý thuộc Biệt giáo Nhất thừa.

